

Bản án số: 872/2020/DS-PT

Ngày: 15/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Phương

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Hùng Linh
2. Ông Phan Báu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 06 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2019/DS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3995/2020/QĐPT-DS ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9400/2020/QĐ-PT ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **PXT**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 20E đường 24, phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông PXT: Ông **TNMT** (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2013) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 372/11 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 463B/47B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

- Bà **TTC**, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 44 đường số 8 tổ 13, ấp 3 xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **NTT**, sinh năm: 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 3C69 đường Thanh Niên, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà NTT:

Ông **BPT** - Luật sư của Công ty luật hợp danh NTV thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **TMN**, sinh năm: 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 34A Nguyễn Tư Nghiêm, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện 18/12/2013, đơn thay đổi bổ sung ngày 05/10/2017 các bản tự khai, biên bản hòa giải tại tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông TNMT trình bày:

Ông PXT và bà TTC, bà NTT có mối quan hệ kinh doanh là mua bán sim điện thoại từ năm 2011.

1/ Vào ngày 01/9/2011, ông T và bà C có ký hợp đồng vay tiền số 01TC/2011, theo đó, ông T cho bà C vay số tiền là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) để kinh doanh sim điện thoại, thời hạn vay đến ngày 31/12/2011, không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Hợp đồng này có sự bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất thửa số 301 tờ bản đồ số 4 có diện tích 134m² tọa lạc tại xã Phạm Văn Hai (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V298804 cấp ngày 03/7/2002 cho bà NTT). Bà T có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T giữ. Hợp đồng bằng giấy viết tay không qua công chứng, chứng thực.

Ngoài ra, trong hợp đồng vay tiền số 01TC/2011, bà T và bà C có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG293135 thửa số 155, tờ bản đồ số 95 diện tích 48m² nhưng bà T và bà C không giao bản chính quyền sử dụng đất cho ông T. Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG293135 thửa số 155, tờ bản đồ số 95 ông T không có giữ.

Đồng thời hợp đồng vay tiền số 01TC/2011 gồm 02 (hai) trang giấy nhưng bà NTT chỉ ký trang số 02 là do sơ suất của ông T không yêu cầu bà T ký vào trang số 01 của hợp đồng.

Đối với hợp đồng vay tiền số 01TC/2011, bà C chưa trả lãi cho ông T, ông T yêu cầu bà C có trách nhiệm hoàn trả số tiền là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) trả làm một lần, không yêu cầu tính lãi. Nếu bà C không trả được thì yêu cầu bà T có trách nhiệm cùng trả tiền cho bà C vì bà T là người bảo lãnh cho bà C

2/ Vào ngày 03/10/2011, ông T và bà C tiếp tục ký hợp đồng vay tiền số 02TC/2011, theo đó, ông T cho bà C vay tiếp số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), thời hạn đến ngày 10/10/2011 không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Hợp đồng này tiếp tục thể chấp bằng bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V298804, BG293135 nhưng thực tế thì bà C chỉ giao 01 bản chính giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số V298804, hợp đồng này bà T không có ký tên. Hợp đồng lập bằng giấy tờ tay không qua công chứng, chứng thực.

Đối với hợp đồng số 02TC/2011, bà C chưa trả lãi cho ông T, ông T yêu cầu bà C có trách nhiệm hoàn trả số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) trả làm một lần, không yêu cầu tính lãi. Nếu bà C không trả được thì yêu cầu bà T có trách nhiệm cùng trả tiền cho bà C vì bà T là người bảo lãnh cho bà C.

3/ Vào ngày 29/9/2011, ông T và bà C tiếp tục ký hợp đồng vay tiền số 03TC/2011, theo đó, ông T cho bà C vay tiếp số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thời hạn vay từ ngày 29/9/2011 đến 11 giờ ngày 08/10/2011, lãi suất 5%/ ngày, thế chấp bằng quyền sử dụng đất có diện tích 3566,9m² thuộc thửa 531 tờ bản đồ số 19 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 643104. Hợp đồng bằng giấy tờ tay không qua công chứng, chứng thực. Đồng thời ông T cũng không giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Đối với hợp đồng số 03TC/2011, bà C chưa trả lãi cho ông T, ông T yêu cầu bà C có trách nhiệm hoàn trả số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trả làm một lần, không yêu cầu tính lãi. Nếu bà C không trả được thì yêu cầu bà T có trách nhiệm cùng trả tiền cho bà C vì bà T là người bảo lãnh cho bà C.

Ông T có trình bày là do ông T không có bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên tại thời điểm khởi kiện và tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ông T chỉ cung cấp được 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V298804 cấp ngày 03/7/2002 cho bà NTT.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu bà C có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng), trong trường hợp bà C không trả được thì bà T phải có trách nhiệm trả thay vì bà T thế chấp quyền sử dụng đất cho khoản vay, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn bà NTT trình bày:

Bà TTC là người làm đại lý bán sim điện thoại, năm 2009 bà T có lấy thẻ cào điện thoại từ bà C để bán lại. Từ cuối năm 2009 đến năm 2011 bà không mua hàng của bà C mà chuyển sang làm sổ sách của bà C. Khoảng tháng 9/2011 bà C có mượn của bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V298804 cấp ngày 03/7/2002 cho bà NTT để cầm cho ông PXT để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Bà C có đưa 1 trang giấy đã in sẵn và yêu cầu bà T ký vào trang giấy này. Ban đầu bà T không đồng ý nhưng vì tin tưởng vào bà C nên bà ký vào trang giấy đó. Khi bà T ký vào trang giấy thì hoàn toàn không có trang thứ nhất của hợp đồng vay tiền 01TC/2011 ngày 01/9/2011. Sau thời gian bà C không trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà T thì bà có đến yêu cầu bà C trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bà và bà C có đến gặp ông T để yêu cầu hoàn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà nhưng ông T không đồng ý.

Bà T khẳng định là bà không có nhận tiền từ ông T, không vay tiền từ ông T, cũng không đứng ra bảo lãnh cho bà C mà bà T chỉ đưa sổ đỏ cho bà C mượn để làm tin cho ông T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà NTT có ông BPT trình bày:

Giữa bà C và ông T có làm ăn chung với nhau. Sau đó, bà C có mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, vì tin tưởng bà C nên bà T cho bà C mượn sổ đỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà T. Sau đó giữa bà C và ông T có vay nhiều lần tiền, bà C có đưa 01 trang giấy đã in sẵn và yêu cầu bà T ký vào trang giấy này, thực tế không có nội dung vay tiền cũng như không có nội dung bà T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Còn đối với 02 hợp đồng vay còn lại thì bà T không biết vì hoàn toàn không có chữ ký của bà T.

Do đó, nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông T số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng) thì bà T không đồng ý vì bà T hoàn toàn không có vay tiền cũng như không có việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Bị đơn bà NTT vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2015 bà C trình bày: Bà đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập lên làm việc nhiều lần, tuy nhiên những lần triệu tập này bà không biết nên không có mặt. Bà C cho rằng tranh chấp giữa bà và ông T đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và đang giải quyết theo quy định pháp luật. Tại bản tự khai ngày 24/4/2015 bà yêu cầu Tòa án cho bà nộp bản tự khai đầy đủ vào ngày 06/5/2015. Tuy nhiên, ngày 06/5/2015, bà C không đến làm việc và cũng không có bản tự khai nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm.

Bị đơn bà TTC vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TMN trình bày: Bà N là vợ của ông T, việc vay mượn tiền giữa ông T với bà C và bà T thì bà hoàn toàn không biết, là tài sản của riêng ông T, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Do bận công việc nên bà N có đơn xin được vắng mặt tại Tòa sơ thẩm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2019/DS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông PXT đối với bà TTC.

Buộc bà TTC có trách nhiệm trả cho ông PXT số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi ông PXT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà TTC chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì bà C phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông PXT buộc bà NTT có trách nhiệm hoàn trả nợ thay cho bà TTC đối với khoản nợ trên.

3. Buộc ông PXT có trách nhiệm hoàn trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V298804 cấp ngày 03/7/2002 cho bà NTT ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên giao nhận bản chính giấy trên tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 19/4/2019, nguyên đơn ông PXT có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2019/DS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo hướng buộc bà NTT có trách nhiệm hoàn trả nợ thay cho bà TTC đối với khoản nợ trên trong trường hợp bà C không trả được.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông PXT là ông TNMT có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt và có văn bản trình bày vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà C có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vay 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng), trong trường hợp bà C không trả được thì bà T phải có trách nhiệm trả thay vì bà T thế chấp quyền sử dụng đất cho khoản vay, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Chính đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt.

Bị đơn bà NTT đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà NTT có ông BPT trình bày: Giữa bà C và ông T có làm ăn chung với nhau. Sau đó, bà C có mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, vì tin tưởng bà C nên bà T cho bà C mượn sổ đỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà T. Sau đó, ông T có cho bà C vay tiền nhiều lần, bà C có đưa 01 trang giấy đã in sẵn và yêu cầu bà T ký vào trang giấy này, thực tế không có nội dung vay tiền cũng như không có nội dung bà T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T như nội dung trong Hợp đồng vay tiền 01TC/2011 ngày 01/9/2011. Còn đối với 02 hợp đồng vay còn lại thì bà T không biết vì hoàn toàn không có chữ ký của bà T.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông T số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng) thì bà T không đồng ý vì bà T hoàn toàn không có vay tiền, không bảo lãnh khoản vay của bà C, cũng như không có việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T trả lại cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V298804 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2002.

Bà T cho rằng trước đây có người đến đòi nợ cho ông T, bà không đồng ý trả. Đối với Giấy nhận nợ ngày 08/01/2012, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/9/2019 không phải chữ ký, chữ viết của bà T, các tài liệu này không liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà TMN có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến suốt quá

trình phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về nội dung: Do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp Giấy nhận nợ ngày 08/01/2012 tại phiên tòa phúc thẩm, đây là tài liệu mới mà các đương sự chưa được tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định pháp luật để làm rõ nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2019/DS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, giao lại hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa ngày 08/4/2019, đến ngày 19/4/2019, nguyên đơn ông PXT nộp đơn kháng cáo và đã nộp Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, đơn kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ nên được chấp nhận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông TNMT có đơn xin hoãn phiên tòa, trường hợp Tòa án vẫn xét xử thì yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do Phiên tòa phúc thẩm đã được mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin hoãn phiên tòa của ông T và giải quyết vắng mặt ông T theo yêu cầu; Bị đơn là bà TTC, bà NTT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà TMN có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà C, bà T, bà N là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

[2.1] Ông PXT có cho bà TTC vay số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng) làm nhiều lần có ký kết hợp đồng vay; cụ thể: Hợp đồng vay tiền số 01TC/2011 ngày 01/9/2011 với số tiền vay là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), thời hạn vay đến ngày 31/12/2011, không thỏa thuận lãi suất cụ thể; Hợp đồng vay tiền số 02TC/2011 ngày 03/10/2011 với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), thời hạn đến ngày 10/10/2011, không thỏa thuận lãi suất cụ thể; Hợp đồng vay tiền số 03TC/2011 ngày 29/9/2011 với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thời hạn vay 08/10/2011, lãi suất 5%/ngày. Để bảo lãnh cho những khoản vay trên thì bà C có đưa cho ông T giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V298804 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/7/2002 cho bà NTT (có ghi nhận trong Hợp đồng vay tiền số 01TC/2011 ngày 01/9/2011), các hợp đồng không công chứng, chứng thực.

Như vậy, có căn cứ để xác định giữa bà TTC và ông PXT có tồn tại giao dịch vay tài sản.

[2.2] Đối với việc yêu cầu buộc bà T có trách nhiệm hoàn trả nợ thay cho bà TTC đối với khoản nợ vay của bà C trong trường hợp bà C không trả được:

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, để chứng minh việc bà T có nghĩa vụ cùng trả nợ cho ông T và đã ký hợp đồng vay thế chấp số 01TC/2001 ngày 01/9/2011 thì ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án văn bản là Giấy nhận nợ đề ngày 08/01/2012, trong đó có ghi nhận nội dung: Bà TTC, ông Ngô Xuân Hùng, bà NTT – vợ ông Ngô Xuân Hùng có nhận số tiền của ông Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1973, CMND số 024367236 số tiền 9.000.000.000 (chín tỷ đồng chẵn); tiền vay có thể chấp bằng tài sản quyền sử dụng đất. Văn bản có người nhận nợ là bà TTC ký tên, có nội dung ghi nhận “Tôi NTT xác nhận theo hợp đồng vay thế chấp số 01TC/2011, 01/9/2011) và ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cho rằng chữ viết và chữ ký trong Giấy nhận nợ ngày 08/01/2012 không phải của bà T, ông không biết ông Ngô Xuân Hùng là ai, không biết chồng bà T, tờ nhận nợ không liên quan đến vụ án.

Tại Bản tự khai đề ngày 14/8/2019 ông T trình bày: bà C, bà T vay của ông T số tiền 9.000.000.000 đồng có thể chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà NTT. Do bà C, bà T không trả được nợ vay nên ông T nhờ dịch vụ đòi nợ thực hiện đòi nợ số tiền trên. Ngày 08/01/2012, bà C, bà T và chồng bà T là ông Ngô Xuân Hùng đã ký giấy xác nhận nợ số tiền 9.000.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Thành nhưng thực tế đây là số tiền của ông T cho bà C, bà T vay. Hiện nay ông T không biết ông Nguyễn Văn Thành đang ở đâu và làm gì.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Giấy nhận nợ đề ngày 08/01/2012 là tài liệu, chứng cứ mới được nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tại giai đoạn xét xử phúc thẩm. Tòa án chưa làm rõ được chữ viết, chữ ký của các đương sự và nội dung trong giấy nhận nợ ngày 08/01/2012 (thời điểm này là sau khi ký 03 hợp đồng vay tài sản và hết thời hạn vay của 03 hợp đồng); việc vay nợ có liên quan đến ông Ngô Xuân Hùng là chồng bà T hay không? Ngoài ra, nguyên đơn chưa cung cấp được thông tin địa chỉ của ông Nguyễn Văn Thành nên không triệu tập được ông Thành đến Tòa án để làm rõ khoản nợ ghi nhận trong Giấy nhận nợ ngày 08/01/2012 có liên quan như thế nào đến ông Nguyễn Văn Thành, là cùng một khoản nợ hay khác với khoản nợ của ông PXT đang tranh chấp trong vụ án.

Đây là tình tiết mới mà cấp phúc thẩm không thể bỏ sung được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2019/DS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do đó, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên ông PXT không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông PXT số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0015494 ngày 23/4/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2019/DS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là ông PXT với bị đơn là bà TTC và bà NTT.

2. Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho ông PXT số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0015494 ngày 23/4/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- TAND H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Phương